

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-PT
Ngày 08/11/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng

Ông Dương Thế Vinh

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký toà án nhân dân tỉnh Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2019/TLPT-HNGĐ ngày 22/10/2019, về việc tranh chấp hôn nhân gia đình.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42/2019/HNGĐ-ST ngày 12/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐ-PT ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Hà Thị Y, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978 (có mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Hà Thị Yến trình bày:

Chị với anh Nguyễn Xuân T có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, sau đó vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn vào năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường

xuyên cãi nhau, năm 2018 chị đã làm đơn xin ly hôn với anh T một lần nhưng do gia đình khuyên can nên chị rút đơn, sau khi rút đơn vợ chồng chung sống vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, tháng 07/2019 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/05/2018. Khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ anh T không cho chị mang con đi, sau đó anh T đã giao con cho chị, hiện nay con đang ở với chị, ly hôn chị xin được nuôi con chung vợ chồng. Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập từ 17 triệu đồng đến 20 triệu đồng/tháng, chị đủ điều kiện để nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Y có đăng ký kết hôn vào năm 2011, tại UBND xã T, huyện L trước khi cưới được tự do tìm hiểu, và tự nguyện kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến đầu năm 2019 vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có ham chơi, ít có thời gian quan tâm đến vợ con, tháng 4/2018 chị Y có làm đơn xin ly hôn với anh sau đó chị Y lại rút đơn. Đầu tháng 07/2019 anh có đánh chị Y, anh có đuổi chị Y về nhà bố mẹ đẻ, chị Y về nhà từ đó đến nay. Nay anh xác định tình cảm vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/05/2018, khi anh đuổi chị Y ra khỏi nhà anh không cho chị Y mang con đi, thỉnh thoảng chị Y về thăm con và xin đón con về nhà bố mẹ chơi nhưng anh không cho chị Y mang con đi vì con đang bị ốm, hiện nay con đang ở với anh, vừa rồi cháu có bị viêm phổi, anh đã cho uống thuốc để điều trị. Nay chị Y xin nuôi con anh không đồng ý để chị Y nuôi con. Hiện nay anh đang làm công nhân may, tại thôn B, xã N, huyện L, thu nhập của anh từ 7 triệu đồng, đến 08 triệu đồng/tháng. Anh đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị giải quyết.

Ngày 13/08/2019 chị Y có đơn áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời yêu cầu anh T phải giao con cho chị Y. Ngày 13/08/2019 Tòa án đã có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 05/2019/QĐ-BPKCTT, sau khi giao quyết định cho anh T, anh T đã tự nguyện bàn giao con cho chị Y. Ngày 15/08/2019 chị Y có đơn xin hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, ngày 15/08/2019 Tòa án đã có quyết định số 03/2019/QĐ-BPKCTT hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Quá trình giải quyết vụ án chị Y có đơn xin từ chối hòa giải, nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Với nội dung trên bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83,84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Y nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/05/2018. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Hà Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007306 ngày 05/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 26/9/ 2019 anh Nguyễn Xuân T kháng cáo toàn bộ bản án. Cùng ngày anh T nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh T kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xem xét làm rõ trách nhiệm của từng cá nhân vì đã sống vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, lừa dối mọi người, cơ quan pháp luật gây bức xúc trong dư luận quần chúng và thách thức pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Hà Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như trong đơn đề nghị sau khi anh T có đơn kháng cáo, bị đơn anh Nguyễn Xuân T không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt nguyên đơn nên vụ án không thỏa thuận được.

Anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân anh không đồng ý ly hôn. Lý do: Anh vẫn còn tình cảm với chị Y mặc dù chị Y có quan hệ với người khác, gia đình anh cũng tha thứ để mong muốn anh và chị Y về đoàn tụ nuôi con, ở tòa sơ thẩm chị Y trình bày anh cờ bạc là không đúng; về con chung nếu chị Y quyết tâm ly hôn anh thì anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Anh đề nghị tòa phúc thẩm xem xét kháng cáo của anh và xử lý người phá hoại gia đình anh vì chị Y làm đơn xin ly hôn anh là do người thứ ba gây ra, không phải do anh chơi bời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và

nghĩa vụ của mình; bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Y và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn vào ngày 08/01/2011, tại UBND xã T, huyện L. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Đây là hôn nhân là hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng chị Y khởi kiện xin ly hôn anh T. Bản án sơ thẩm xử cho chị Y được ly hôn anh T. Anh T kháng cáo không đồng ý ly hôn. Xét kháng cáo của anh T Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa anh T trình bày: Anh mong muốn được đoàn tụ với chị Y để nuôi con, chị Y có quan hệ với người khác nhưng anh bỏ qua, anh vẫn còn tình cảm với chị Y. Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng lại giữ nguyên ý kiến tại đơn trình bày ngày 08/10/2019 sau khi anh T có đơn kháng cáo. Chị thừa nhận sau khi chị và anh T kết hôn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị đã một lần làm đơn nhưng do gia đình nói cho anh T một cơ hội nên chị đã rút đơn. Nay chị xác định giữa chị và anh T không còn tình cảm dành cho nhau nên chị mới ly hôn không có việc chị có quan hệ bất chính với người khác như anh T nói. Hội đồng xét xử thấy mong muốn đoàn tụ của anh T không được chị Y đồng ý vì chị xác định không còn tình cảm với anh T. Mặt khác, anh T thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, chị Y có bỏ về nhà bố mẹ mấy lần, tháng 4/2019 chị Y có làm đơn xin ly hôn anh sau đó lại rút đơn. Tại biên bản xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa chị Y và anh T thể hiện vợ chồng chị Y, anh T có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T hay cờ bạc, vợ chồng hay cãi nhau, khi mâu thuẫn gia đình chị Y có báo cáo chính quyền địa phương và có được chính quyền địa phương can thiệp nhưng không được. Như vậy, từ sau khi chị Y rút đơn xin ly hôn và được tòa án chấp nhận ngày 18/4/2019 nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị Y và anh T vẫn mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, bản án sơ thẩm xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và quyết định cho chị Y được ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh T để vợ chồng về đoàn tụ.

[3]. Về con chung: Vợ chồng chị Y, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/05/2018. Bản án sơ thẩm giao con chung cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T kháng cáo. Xét kháng cáo của anh T. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh T trình bày trường hợp vợ chồng không được đoàn tụ anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/5/2018 cháu dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Hiện nay, chị Y có thu nhập và nơi ở ổn định có đầy đủ điều kiện để nuôi cháu K. Do vậy, bản án sơ thẩm giao con chung cho chị Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác anh T cũng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Nên không chấp nhận kháng cáo của anh T.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Xuân T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Giao cho chị Hà Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 27/05/2018. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Anh T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Hà Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007306 ngày 05/08/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận chị Y đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007438 ngày 26/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Xác nhận anh T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- TAND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện L;
- Các đương sự; Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

